

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 124/2023/DSST

Ngày: 29/3/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Đình Thung**

Ông **Lê Văn Chính**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-DS ngày 13/3/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Thị T**, sinh năm 1956 (tên thường gọi Út Chín)

Địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: Ông **Thị Thu T**, sinh năm 1977 (tên thường gọi Quyên)

Trần Minh H, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

(Bà T có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T tên thường gọi là Út C. Anh H, chị Thu T là vợ chồng. Chị Thu T là thảo hụi, bà là hụi viên có tham gia góp hụi như sau: Hụi ngày 1000.000đồng, khai hụi vào ngày 20/8/2022, hụi có 40 phần, 01 ngày khai 01 lần, bà tham gia 01 phần. bà đã đóng hụi cho chị Thu T được 40 kỳ hụi sống với số tiền 40 kỳ x 900.000đồng = 36.000.000đồng. Hụi này đã mãn vào ngày 30/9/2022, chị Thu T

phải giao hụi cho bà là 40.000.000đồng nhưng chị Thu T không giao mà xin mượn lại để chị trả lãi, cứ 40 ngày chị Thu T trả 3.000.000 đồng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 15.000.000đồng. Nay, bà chỉ yêu cầu chị Thu T, anh H trả lại số tiền 36.000.000đồng thôi, không yêu cầu tính lãi.

Chị Thu T và anh H là vợ chồng, cùng sống chung một nhà với nhau và có con chung. Chị Thu T tổ chức rất nhiều dây hụi, anh H cũng là hụi viên trong từng dây hụi. Anh H biết rõ việc tổ chức chơi hụi. Chơi hụi có thu hoa hồng cũng như tiền lời từ việc chơi hụi để phát triển kinh tế gia đình. Anh H, chị Thu T đã mua nhiều tài sản như xe, đất có giá trị lớn trong thời kỳ hôn nhân nên anh chị phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 36.000.000đồng cho bà, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh H, chị Thu T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mười H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Thị T và anh Trần Minh H, chị Trần Thị Thu T là tranh chấp hợp đồng góp hụi được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Minh H, chị Trần Thị Thu T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh H, chị Thu T.

[3] Tại phiên tòa, bà T yêu cầu anh H, chị Thu T cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi là 36.000.000đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở bởi lẽ giữa bà T (tên thường gọi Út C) và chị Thu T (tên thường gọi là Q) có xác lập hợp đồng góp hụi với chứng cứ là tờ giấy có nội dung: “*chị Út C vô hụi ngày 20- 8, đóng 40 phần là 36.000.000 đồng, ba mươi sáu triệu chẵn, em Q đã nhận đủ*” ký tên xác nhận Q. Theo đơn xin xác nhận ngày 02/02/2024, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị xác nhận chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 tên thường gọi là Q và bà Ngô Thị T sinh năm 1956 tên thường gọi là Út C, do đó có đủ cơ sở xác định chị Thu T (tên thường gọi là Q) có nợ của bà T (tên thường gọi Út C) số tiền 36.000.000đồng. Tuy nhiên, nếu tính theo dây hụi mãn thì chị Thu T nợ bà T số tiền là 40.000.000đồng nhưng bà T tự nguyện chỉ đòi số tiền 36.000.000đồng, đây là sự tự nguyện của bà được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Thảo cho rằng, chị Thu T và anh H là vợ chồng cùng chung sống một nhà và có con chung. Chị Thu T tổ chức nhiều dây hụi, anh H cũng là hụi viên

trong từng dây. Anh H biết rõ việc chị Thu T tổ chức các dây hui, anh chị tổ chức các dây hui có hoa hồng để phát triển kinh tế gia đình, chi tiêu nhu cầu thiết yếu của gia đình nên anh Hồng phải có trách nhiệm trả nợ cùng với chị Thu T là phù hợp với quy định pháp luật.

Tòa án nhiều lần mời anh H, chị Thu T đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng anh chị vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như anh chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thảo đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc anh H, chị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 36.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H, chị Thu T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471, 357 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Buộc chị Trần Thị Thu T và anh Trần Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền 36.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong, anh H, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh H, chị T cùng chịu số tiền 1.800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng, chị Thu T, anh H kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Nỗong sớ;
- Lưu hoà sớ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

